

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *41* /2008/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định mẫu thẻ thanh tra và việc quản lý,
sử dụng thẻ thanh tra thuộc Bộ Tài chính**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15/6/2004;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 100/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về thanh tra viên và cộng tác viên;

Căn cứ Thông tư 2313/2007/TT-TTCT của Thanh tra Chính phủ về việc quản lý, sử dụng thẻ thanh tra;

Theo đề nghị của Chánh thanh tra Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mẫu thẻ thanh tra và việc quản lý, sử dụng thẻ thanh tra thuộc Bộ Tài chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Chánh thanh tra Bộ Tài chính, Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tài chính chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- VP TW và các Ban của Đảng;
- VP Quốc hội, VP Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát NDTC, Tòa án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo;
- Website chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Sở Tài chính, Cục Thuế, Cục Hải quan, KBNN các tỉnh, TP. trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TTr.

BỘ TRƯỞNG



Vũ Văn Ninh

**QUY ĐỊNH MẪU THẺ THANH TRA VÀ VIỆC QUẢN LÝ, SỬ
DỤNG THẺ THANH TRA THUỘC BỘ TÀI CHÍNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~44~~.../2008/QĐ-BTC
ngày 24 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

I. Mẫu thẻ thanh tra

Tên gọi: Thẻ thanh tra.

Thẻ thanh tra hình chữ nhật, rộng 61mm; dài 87mm gồm mặt trước, mặt sau.

1. Mặt trước:

Nền màu đỏ, chữ in hoa màu vàng; dòng trên ghi “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM” (khổ chữ 9) theo phông chữ của bộ mã ký tự chữ Việt (phông chữ Việt Unicode) theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6909: 2001; dòng dưới ghi “THẺ THANH TRA” (khổ chữ 16); giữa hai dòng là Quốc huy (đường kính 24mm).

2. Mặt sau:

Nền hoa văn màu hồng tươi, ở giữa có biểu tượng ngành Thanh tra, in bóng (đường kính 20 mm), góc trên bên trái in biểu tượng ngành Thanh tra (đường kính 14mm), dưới biểu tượng là nơi dán ảnh của người được cấp thẻ (khổ 23x30mm) được đóng dấu nổi; từ cách góc trên bên trái (10mm) đến góc dưới bên phải là gạch chéo màu đỏ (rộng 6mm)

Nội dung ghi trên mặt sau:

- a) Quốc hiệu (khổ chữ 8, gạch chân dòng thứ hai)
- b) Thẻ thanh tra (chữ in hoa đậm màu đỏ khổ 12)
- c) Mã số thẻ thanh tra

- Mã số thẻ thanh tra đối với thanh tra viên thuộc Bộ Tài chính có các ký hiệu phân biệt và nhận biết rõ thanh tra Bộ, thanh tra Tổng cục, thanh tra Cục, thanh tra viên (chữ in hoa, khổ chữ 10)

+ Thanh tra viên thuộc Bộ Tài chính có mã số chung là A16 (mã số cơ quan Bộ Tài chính, quy định tại Quyết định số 93/2005/QĐ-BNV ngày 30/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định Danh mục mã số các cơ quan Nhà nước).

+ Thanh tra theo các chuyên ngành gồm mã số của Bộ Tài chính, thêm 01 chữ cái đầu tên gọi của ngành: Thuế (T), Hải quan (H), Chứng khoán (C).

+ Thanh tra các Cục có mã số theo ngành và có thêm mã số địa phương, nơi cơ quan Cục đặt trụ sở (mã số địa phương theo quy định tại Quyết định số 93/2005/QĐ-BNV ngày 30/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).

+ Số thứ tự thanh tra viên có 03 số (bắt đầu từ 001); đánh số theo cơ quan, đơn vị (Thanh tra Bộ, Tổng cục, Cục).

- Mã số thẻ thanh tra cụ thể đối với các cơ quan, đơn vị như sau:

+ Thanh tra Bộ Tài chính: A16 - số thứ tự thanh tra viên.

+ Thanh tra Ủy ban Chứng khoán: A16 - C - số thứ tự thanh tra viên.

+ Thanh tra Thuế: Tổng cục: A16 - T - số thứ tự thanh tra viên; Thanh tra Cục: A16 - T - mã số tỉnh - số thứ tự thanh tra viên.

+ Thanh tra Hải quan: Tổng cục: A16 - H - số thứ tự thanh tra viên; thanh tra Cục: A16 - H - mã số tỉnh - số thứ tự thanh tra viên.

(Chi tiết theo danh mục đính kèm)

d) Họ và tên thanh tra viên (khổ chữ 10)

g) Ngạch thanh tra viên (ghi ngạch thanh tra viên được bổ nhiệm): thanh tra viên, thanh tra viên chính hoặc thanh tra viên cao cấp (khổ chữ 10);

h) Đơn vị công tác: thanh tra Bộ Tài chính; thanh tra Tổng cục Thuế,...; thanh tra Cục Thuế tỉnh ..., thanh tra Cục Hải quan tỉnh ... (khổ chữ 10)

i) Ngày, tháng, năm cấp thẻ (khổ chữ 10)

k) Chữ ký và tên Bộ trưởng Bộ Tài chính (khổ chữ 8)

n) Dấu Bộ Tài chính (đường kính 18mm)

Thẻ thanh tra phải được ép platic cứng.

II. Quản lý thẻ thanh tra

1. Cấp thẻ thanh tra:

Thẻ thanh tra do Bộ trưởng Bộ Tài chính cấp cho cán bộ, công chức được bổ nhiệm vào ngạch thanh tra viên.

a) Hồ sơ và thủ tục cấp thẻ thanh tra:

- Hồ sơ cấp thẻ thanh tra:

+ Công văn đề nghị cấp thẻ (kèm theo danh sách trích ngang) của thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp thanh tra viên.

+ 01 phiếu thanh tra viên và quyết định bổ nhiệm vào ngạch thanh tra viên.

+ 02 ảnh cá nhân chụp kiểu Chứng minh thư (01 ảnh khổ 30 x 40mm; 01 ảnh khổ 23 x 30mm).

- Thủ tục cấp thẻ thanh tra

+ Chánh thanh tra Bộ Tài chính tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đề nghị cấp thẻ thanh tra đối với thanh tra Bộ, các Tổng cục thuộc Bộ Tài chính trình Bộ trưởng Bộ Tài chính cấp thẻ.

+ Các Tổng cục tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đề nghị cấp thẻ thanh tra của thanh tra Tổng cục và các Cục, đề nghị Chánh thanh tra Bộ Tài chính trình Bộ trưởng Bộ Tài chính cấp thẻ.

b) Hồ sơ và thủ tục cấp lại thẻ thanh tra: trường hợp thẻ thanh tra bị hỏng, bị mất... thanh tra viên phải làm thủ tục xin cấp lại.

- Hồ sơ xin cấp lại thẻ thanh tra gồm:

+ Đơn đề nghị xin cấp lại thẻ thanh tra (do cá nhân tự viết, có lý do cụ thể, rõ ràng) kèm theo ảnh (như quy định tại điểm a trên); trường hợp thẻ hỏng gửi kèm theo thẻ hỏng.

+ Xác nhận và đề nghị của thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp thanh tra viên.

- Thủ tục đề nghị cấp lại thẻ thanh tra giống như thủ tục cấp thẻ thanh tra lần đầu.

2. Quản lý thẻ thanh tra:

- Thanh tra viên có trách nhiệm bảo quản thẻ thanh tra theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Chánh thanh tra Bộ Tài chính, Chánh thanh tra các cơ quan thanh tra, thủ trưởng các cơ quan quản lý trực tiếp thanh tra viên có trách nhiệm quản lý và kiểm tra việc sử dụng thẻ của thanh tra viên.

- Thu hồi thẻ thanh tra

+ Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định thu hồi thẻ thanh tra.

+ Quyết định thu hồi thẻ thanh tra thuộc một trong những trường hợp sau: cán bộ, công chức được bổ nhiệm vào ngạch thanh tra bị kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc, sa thải hoặc chuyển công tác sang cơ quan không có chức năng thanh tra, nghỉ hưu, bị chết, mất tích, thẻ thanh tra được cấp không đúng quy định của pháp luật.

+ Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp thanh tra viên có trách nhiệm thu hồi thẻ thanh tra, cắt góc và nộp về Thanh tra Bộ Tài chính.

3. Kinh phí làm thẻ và phát thẻ thanh tra:

- Kinh phí làm thẻ thanh tra do Vụ Tài vụ quản trị Bộ Tài chính cấp.